

**VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

**DƯƠNG VĂN AN**

**CHUYÊN GIÁ TRONG DOANH NGHIỆP  
CÓ VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI) -  
KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM**

**Chuyên ngành: Kinh tế Chính trị**

**Mã số: 62.31.01.02**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC**

- 1. GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng**
- 2. TS. Bùi Đại Dũng**

**HÀ NỘI – 2016**

## LỜI CẢM ƠN

Em xin chân thành cảm ơn GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng, TS. Bùi Đại Dũng đã tận tình hướng dẫn khoa học, định hướng và giúp đỡ em hoàn thành Luận án này.

Xin trân trọng cảm ơn những tập thể và cá nhân đã giúp đỡ về tài liệu nghiên cứu.

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.

Các số liệu, dẫn chứng nêu trong Luận án là trung thực, có trích dẫn nguồn rõ ràng.

*Tác giả Luận án*

**Dương Văn An**

## MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI	11
1.1. Các quan điểm về khái niệm “giá chuyển giao” trong công ty có quan hệ liên kết.....	14
1.2. Các quan điểm về khái niệm “chuyển giá” trong công ty có quan hệ liên kết .....	15
1.3. Những thảo luận về các hình thức (thủ thuật) chuyển giá của các doanh nghiệp FDI ở Việt Nam.....	18
1.4. Những nghiên cứu về tác động của chuyển giá đối với nước tiếp nhận đầu tư.....	19
1.5. Những nghiên cứu về kinh nghiệm chống chuyển giá của các nước trên thế giới .....	21
1.6. Những nghiên cứu về thực trạng chuyển giá và hoạt động chống chuyển giá ở Việt Nam .	22
1.7. Khoảng trống cần nghiên cứu .....	24
Chương 2: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ THUYẾT VỀ CHUYỂN GIÁ TRONG DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI .....	26
2.1. Lý thuyết về chuyển giá.....	26
2.2. Chuyển giá trong doanh nghiệp FDI.....	42
2.3. Tác động của hành vi chuyển giá.....	53
Chương 3: KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ KIỂM SOÁT CHUYỂN GIÁ TRONG DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI, MỘT SỐ BÀI HỌC RÚT RA.....	60
3.1. Tình hình chuyển giá ở một số nước trên thế giới .....	60
3.2. Kinh nghiệm ứng phó với chuyển giá trong doanh nghiệp FDI của OECD và một số nước phát triển .....	69
3.4. Một số bài học về kiểm soát chuyển giá rút ra từ kinh nghiệm các nước trên thế giới ..	89
Chương 4: CHUYỂN GIÁ TRONG DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM, GIẢI PHÁP ỨNG PHÓ VỚI CHUYỂN GIÁ	94
4.1. Thực trạng chuyển giá trong doanh nghiệp FDI ở Việt Nam .....	94
4.2. Ứng phó với chuyển giá trong doanh nghiệp FDI ở Việt Nam: thực trạng và vấn đề đặt ra ...	123
4.3. Một số giải pháp nhằm tăng cường khả năng ứng phó với chuyển giá trong doanh nghiệp FDI ở Việt Nam .....	133
KẾT LUẬN.....	148
DANH MỤC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA NGHIÊN CỨU SINH .....	151
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	152
PHỤ LỤC .....	166

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

APA	Phương pháp thỏa thuận trước giá tính thuế	Advance Pricing Agreement
BOT	Xây dựng - kinh doanh - chuyển giao	Build Operate Transfer
BT	Xây dựng - chuyển giao	Build Transfer
BTO	Xây dựng - chuyển giao - kinh doanh	Build Transfer Operate
CUP	Phương pháp định giá chuyển giao trên cơ sở giá tự do có thể so sánh được	Comparable Uncontrolled Price
ĐTNT	Đối tượng nộp thuế	
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài	Foreign Direct Investment
FTA	Hiệp định thương mại tự do	Free trade agreement
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội	Gross Domestic Products
MNCs	Tập đoàn đa quốc gia	Multinational Corporations
NSNN	Ngân sách nhà nước	
OECD	Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế	Organization for Economic Co-operation and Development
RPM	Phương pháp giá bán lại	Resales Price Method
SXKD	Sản xuất, kinh doanh	
TNCs	Công ty xuyên quốc gia	Transnational Companies
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp	
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn	
USD	Đô la Mỹ	United States Dollar
VCCI	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam	Vietnam Chamber of Commerce and Industry
VND	Việt Nam đồng	

## DANH MỤC CÁC BẢNG, BIỂU ĐỒ, SƠ ĐỒ

### DANH MỤC CÁC BẢNG:

Bảng 2.1: Mô tả hoạt động giao dịch bình thường theo giá thị trường.....	30
Bảng 2.2: Mô tả hành vi chuyển giá thông qua việc nâng giá đầu vào, hạ giá đầu ra khi giao dịch với bên liên kết.....	30
Bảng 3.1: Giá nhập khẩu hàng hóa “siêu” đắt .....	64
Bảng 3.2: Giá xuất khẩu “siêu” rẻ.....	65
Bảng 4.1: Các hình thức đầu tư FDI vào Việt Nam (tính đến 31/12/2015).....	96
Bảng 4.2: 12 nước đối tác có vốn đầu tư FDI vào Việt Nam nhiều nhất.....	97
Bảng 4.3: Tỷ lệ ước tính doanh nghiệp chuyển giá theo lợi nhuận .....	101
Bảng 4.4: Ước tính tỉ lệ doanh nghiệp chuyển giá theo nước, khu vực.....	102
Bảng 4.5: Tỷ lệ ước tính doanh nghiệp thực hiện chuyển giá theo ngành.....	103
Bảng 4.6: Thống kê một số trường hợp khai tăng giá trị tài sản góp vốn.....	105
Bảng 4.7: Cơ cấu chi phí của công ty TOWA .....	108
Bảng 4.8. Thống kê chi phí của Công ty Liên doanh Nhà máy Bia Việt Nam.....	111
Bảng 4.9: So sánh doanh thu và chi phí của HL .....	115
Bảng 4.10. Hiệu quả đầu tư của các khu vực kinh tế thông qua chỉ số ICOR giai đoạn 2005 - 2013.....	118
Bảng 4.11: Mức thuế thu nhập doanh nghiệp một số nước .....	119

### DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ, ĐỒ THỊ:

Biểu đồ 4.1: So sánh giá nguyên liệu nhập khẩu từ TOWA Nhật Bản và giá vốn hàng bán của công ty TNHH TOWA giai đoạn 2009 đến 2011. ....	107
Đồ thị 4.2. Tỷ lệ đóng góp vào ngân sách quốc gia của các khu vực kinh tế.....	113

### DANH MỤC SƠ ĐỒ:

Sơ đồ 4.1: Sơ đồ quan hệ liên kết công ty HL Việt Nam.....	114
--	-----

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Sau gần 30 năm thực hiện Luật Đầu tư nước ngoài (có hiệu lực từ năm 1987), nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam tăng đều cả về vốn đăng ký và vốn giải ngân. Tính đến 31/12/2015, Việt Nam có hơn 20 ngàn dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký đạt 281,882 tỷ Đô la Mỹ, trong đó vốn thực hiện chiếm gần 50% vốn đăng ký.

Các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài hoạt động ở Việt Nam có nguồn gốc xuất xứ và lĩnh vực kinh doanh khá đa dạng, trong đó có nhiều công ty đa quốc gia lớn trên thế giới. Khu vực kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam như thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; tạo việc làm, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; cải thiện trình độ công nghệ chung thông qua hoạt động chuyển giao công nghệ; nâng cao năng lực quản lý kinh tế, quản trị doanh nghiệp cũng như năng lực cạnh tranh của nền kinh tế...

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực đã đạt được, hoạt động của khu vực kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cũng bộc lộ nhiều hạn chế, ẩn chứa nhiều vấn đề kinh tế phức tạp, trong đó có vấn đề chuyển giá nhằm trốn, tránh nghĩa vụ thuế của nhiều doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Việc chuyển giá của các doanh nghiệp này có thể tạo ra hiện tượng “lỗ giả, lãi thật” (thực tế thường xuyên có khoảng 50% doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài hoạt động tại Việt Nam báo lỗ, trong đó có những doanh nghiệp như công ty TNHH MTV Keangnam Vina, công ty Coca-Cola Việt Nam, Công ty Hualon Corporation... báo lỗ nhiều năm liên tục, số lỗ lũy kế lên đến gần ngàn tỷ đồng/doanh nghiệp). Hệ quả của hiện tượng trên làm cho Việt Nam thất thu một khoản lớn ngân sách đáng lẽ có được từ nguồn thuế thu nhập doanh nghiệp của các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài; làm nảy sinh cạnh tranh bất bình đẳng mà lợi thế thường nghiêng về phía doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, khiến doanh nghiệp “nội

địa” mất thị phần, thậm chí có những doanh nghiệp liên doanh bị thôn tính và trở thành doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài; môi trường đầu tư của Việt Nam bị phản ánh sai lệch; một số vấn đề chính trị, xã hội nảy sinh... Những nghi án chuyển giá ngày càng nhiều với quy mô lớn, tránh nghĩa vụ thuế lớn (tính riêng trong hai năm 2014, 2015 qua thanh tra, kiểm tra các doanh nghiệp có nguy cơ chuyển giá cao, ngành thuế đã giảm lỗ trên 15.400 tỷ đồng, truy thu, truy hoàn và phạt hơn 2.600 tỷ đồng), gây ra những bức xúc không nhỏ trong xã hội và tạo ra những nghi ngại có cơ sở về hiệu quả đích thực của chính sách thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài mà Việt Nam đang tiến hành.

Chuyển giá không phải là hiện tượng mới trong đời sống kinh tế thế giới. Bắt nguồn từ cơ chế định giá chuyển giao nội bộ trong một doanh nghiệp, chuyển giá từ lâu đã được các tập đoàn đa quốc gia sử dụng rộng rãi trong các giao dịch xuyên quốc gia giữa các công ty thành viên hay giữa chúng với công ty mẹ vì những mục tiêu được tính toán từ trước. Khi đối diện với các chính sách và thủ tục thuế khác nhau, nhất là sự khác biệt về thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp giữa các quốc gia, các công ty đa quốc gia có thể lợi dụng cơ chế định giá chuyển giao để phân bổ lại các khoản thu nhập và chi phí giữa các công ty thành viên, nhờ đó có thể tối thiểu hóa nghĩa vụ thuế tổng thể trên phạm vi toàn tập đoàn. Cùng với quá trình toàn cầu hóa, khi vai trò của các công ty đa quốc gia ngày càng gia tăng trong hoạt động thương mại và đầu tư quốc tế, khi sự phân bổ và di chuyển các nguồn lực kinh tế trên phạm vi toàn cầu ngày càng dễ dàng, hoạt động chuyển giá quốc tế ngày càng có điều kiện phát triển. Điều này gây ra nhiều khó khăn cho các cơ quan thuế ở hầu khắp các nước trong việc thực thi quyền đánh thuế cũng như đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh chung giữa các loại hình doanh nghiệp. Trong tình hình đó, việc kiểm soát và ứng phó với hành vi chuyển giá trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (gắn liền với hoạt động của các tập đoàn đa quốc gia) trở thành một trong những vấn đề thuế quốc tế quan trọng nhất mà các nước đều phải quan tâm. Ở nhiều nước, đặc biệt là các nước phát triển, những biện pháp chống chuyển giá với nhiều công cụ thuế và phi thuế quan khác nhau đã được triển khai ngày càng bài bản và thu được những thành quả rất đáng chú ý.

Do là nước đi sau, vẫn còn đang trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường và hội nhập vào nền kinh tế thế giới, Việt Nam gặp nhiều khó khăn và



chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc đối phó với hành vi chuyển giá của các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Các giải pháp chống chuyển giá gần đây mới được triển khai, song còn thiếu đồng bộ và hiệu lực thực thi thấp. Tình trạng nhiều doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài khai lỗ liên tục nhưng vẫn mở rộng quy mô và doanh thu vẫn tăng đều đều là điều khó hiểu và đôi lúc cơ quan chức năng gần như bất lực trước tình trạng chuyển giá được cho là ngày càng phổ biến. Trong bối cảnh như vậy, việc nghiên cứu kinh nghiệm chống chuyển giá đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài từ những nước đi trước nhằm “rút tía” ra những bài học hữu ích, phục vụ cho việc thiết kế và thực thi một chiến lược ứng phó với hành vi chuyển giá hữu hiệu hơn là rất cần thiết. Xuất phát từ thực tế đó, Nghiên cứu sinh chọn vấn đề “*Chuyển giá trong doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) – kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam*” làm đề tài Luận án của mình.

## **2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của Luận án**

### **2.1. Mục đích nghiên cứu**

Mục đích nghiên cứu của Luận án là đúc rút kinh nghiệm quốc tế về chống chuyển giá để đề xuất được các giải pháp có cơ sở khoa học nhằm nâng cao khả năng ứng phó với hành vi chuyển giá trong doanh nghiệp FDI, hạn chế những tác động tiêu cực của hiện tượng này đối với Việt Nam.

Để thực hiện được mục đích trên, các mục tiêu cụ thể của Luận án là:

i) Xây dựng khung lý thuyết về phân tích chuyển giá trong doanh nghiệp FDI, làm rõ bản chất của chuyển giá, động cơ thúc đẩy doanh nghiệp FDI chuyển giá, các thủ thuật chuyển giá thường được thực hiện và tác động chuyển giá đối với nước tiếp nhận đầu tư.

ii) Làm rõ những tác động tiêu cực mà hành vi chuyển giá trong doanh nghiệp FDI có thể gây ra cho Việt Nam.

iii) Đúc rút được những kinh nghiệm quốc tế về chống chuyển giá qua đó rút ra những bài học hữu ích có thể vận dụng được vào thực tiễn Việt Nam.

iv) Đề xuất các giải pháp có cơ sở khoa học để ứng phó với chuyển giá trong doanh nghiệp FDI ở Việt Nam có hiệu quả hơn.

*Để đạt được các mục tiêu nghiên cứu trên, Luận án sẽ tìm câu trả lời cho các câu hỏi nghiên cứu sau:*

i) Bản chất của chuyển giá là gì? Trong điều kiện nền kinh tế thế giới hiện đại, tại sao hiện tượng chuyển giá lại mang tính phổ biến và chống chuyển giá lại là một nhiệm vụ không dễ dàng với cơ quan thuế các quốc gia?

ii) Thực trạng chuyển giá trong doanh nghiệp FDI ở Việt Nam? Lợi ích của Việt Nam bị tác động như thế nào bởi hành vi chuyển giá trong doanh nghiệp FDI?

iii) Các nước thường ứng phó với chuyển giá của các doanh nghiệp FDI như thế nào? Có thể rút ra những bài học gì từ kinh nghiệm quốc tế về ứng phó với chuyển giá?

iv) Việt Nam cần phải làm gì để ứng phó với hành vi chuyển giá?

## **2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

i) Hệ thống hóa các nội dung lý thuyết cơ bản về vấn đề chuyển giá trong các doanh nghiệp FDI, qua đó làm sáng tỏ những điều kiện đặc thù hiện nay đang tác động đến hiện tượng kinh tế phức tạp này.

ii) Phân tích và đánh giá thực trạng chuyển giá trong khu vực FDI ở Việt Nam từ năm 2001 – 2015 (tập trung vào giai đoạn 2010 – 2015), làm rõ hơn những tác động tiêu cực của chuyển giá đối với Việt Nam.

iii) Phân tích các kinh nghiệm trong việc chống chuyển giá của một số nước tiêu biểu, một số nước có tình hình kinh tế và cấu trúc chính trị - xã hội có nhiều điểm tương đồng với Việt Nam để rút ra các bài học có giá trị tham khảo đối với Việt Nam.

iv) Đánh giá thực trạng khả năng ứng phó với chuyển giá trong doanh nghiệp FDI của Việt Nam hiện nay, những kết quả đạt được và khó khăn, hạn chế; đề xuất một số giải pháp để nâng cao khả năng ứng phó với hành vi chuyển giá trong doanh nghiệp FDI ở Việt Nam trong thời gian tới.